

1639 – Hi&#n pháp đ&#u tiên c&#a ti&#u bang Connecticut là "Fundamental Orders," đ&# c ch&#p thu&#n.



1690 – Ông *Johann Christoph Denner*, ng&# i Đ&#c, sáng ch&# ra cây k&#n đ&#ng clarinette.

1741 – Sinh nh&#t B&#n&#dict Arnold, m&#t t&#ng l&#nh M&#. Năm 1780, ông can t&#i ph&#n qu&#c. Ông đã âm m&#u giao tr&#i quân West Point cho quân Anh, mà ông là Ch&# Huy Tr&#ng. Khi hành đ&#ng n&#y b&# phát giác, ông tr&#n sang Anh.

1742 - Edmond Halley sinh năm 1656, m&#t ngày 14/1/1742. Ông là nhà thiên văn h&#c và toán h&#c c&#a n&#c Anh. Năm 1705, ông là ng&# i đ&#u tiên tính đ&#c qu&# đ&#o c&#a m&#t sao ch&#i và tiên đoán r&#ng nó s&# tr&# l&#i trái đ&#t vào năm 1858, do đó sao ch&#i này đ&#c mang tên là sao ch&#i Halley.

1784 – Hoa K&# phê chu&#n Hi&#p &#c hoà bình v&#i Anh Qu&#c k&#t thúc cu&#c chi&#n cách m&#ng.

1797 - Tr&#n chi&#n Rivoli, x&#y ra g&#n Rivoli Veronese, phía B&#c c&#a n&#c Ý, gi&#a quân đ&#l c&#a T&#ng Pháp Bonaparte và quân Áo.

1834 – Ngày qua đ&#i c&#a ông Johann Philipp Reis, nhà khoa h&#c Đ&#c, đã phát minh m&#t trong nh&#ng chi&#c máy đi&#n tho&#i đ&#u tiên.

1845 – Sinh nḥ t c̣ a Sir Henry Charles Keith Petty-Fitz Maurice, Tḥ ng Đ̣ c tḥ 5 c̣ a Canada (ṭ 1883 đ̣ n 1888).

1858 – Hoàng Đ̣ Napoleon Đ̣ III c̣ a Pháp thoát đ̣ c ṃ t ṿ ṃ u sát.

1873 - ‘Celluloid’ là phát minh năm 1869 c̣ a John Hyatt đ̣ c đ̣ ng ký tên tḥ ng ṃ i.

1875 –Sinh nḥ t Albert Schweitzer, y sĩ ng̣ i Đ̣ c, hy sinh cụ c đ̣ i mình cho nhân lọ i. Ông và bà ṿ sang Vùng Phi châu thụ c Pháp giúp dân nghèo và ḷ p ra ḅ nh vị n Lambaréné. Năm 1952, ông đ̣ c gị i Nobel Hoà bình.

1878 – Ông Alexander Graham Bell sang Anh, qụ ng cáo ṿ i Ṇ Hoàng Anh Victoria chị c máy đ̣ n thọ i do ông phát minh. Ṇ Hoàng ṛ t thích và đã dùng đ̣ n thọ i đ̣ liên ḷ c gị a ṭ dinh và văn phòng c̣ a bà.

1907 – Ṃ t tṛ n đ̣ ng đ̣ t đã làm thị t ṃ ng ḥ n 1000 ng̣ i ṭ i Kingston, Jamaica.

1914 – Công ty xe ḥ i Ford khánh thành ḥ tḥ ng ḷ p ráp gị y chuỵ n. Phát minh ṇ y giúp gị m ḅ t tḥ i gian ḷ p ráp và tăng kḥ năng ṣ n xụ t lên g̣ p 4 ḷ n.

1916 - Ṃ t ḅ a tị c khọ n đ̣ i khách sán Ritz Carlton đ̣ ṃ ng ngày hai thành pḥ Montreal và Vancouver liên ḷ c đ̣ c ṿ i nhau ḅ ng đ̣ n thọ i.

1942 - Ḥ i ngḥ Arcadia ṭ i Washington là cụ c g̣ p g̣ c̣ a hai nhà c̣ m quỵ n Anh (Winston Churchill) và Hoa Ḳ (Franklin D. Roosevelt) đ̣ bàn tḥ o ḳ họ ch đ̣ ḅ lên Ḅ c Phi.

1943 – Sinh nḥ t phi hành gia Ṃ , Shannon Lucid, ng̣ i đã lên không gian 5 ḷ n. Trong ṣ đó có ṃ t ḷ n ̣ lâu trên 6 tháng trong phi thuỵ n MIR.

1943 – Các c̄ p l̄nh đ̄ o c̄ a các n̄ c̄ đ̄ ng minh h̄ p t̄ i Casablanca, Maroc, th̄ o lū n chī n l̄ c m̄ m̄ t tr̄ n th̄ hai, xâm chī m Ý va đ̄ o Sicile, đ̄ ng th̄ i đ̄m quân giúp Nga.

1943 - T̄ ng Th̄ ng Hoa K̄ Franklin D. Roosevelt giành m̄ t chī c phi c̄ riêng đ̄ đi h̄ p Casablanca. Ông bay t̄ Miami, FL đ̄ n Morocco. T̄ i đây ông ḡ p Th̄ t̄ ng Anh là Winston Churchill đ̄ th̄ o lū n v̄ th̄ chī n th̄ II. K̄ t̄ đó, phi c̄ “Air Force One” ra đ̄ i.

1953 - Josip Broz Tito đ̄ c qū c h̄ i c̄ a n̄ c̄ Yugoslavia b̄ u làm T̄ ng Th̄ ng.

1954 - Marilyn Monroe và Joe DiMaggio k̄ t hôn. Cū c hôn nhân n̄ y ch̄ kéo dài đ̄ c 9 tháng.

1963 - George C. Wallace tuyên th̄ làm Th̄ ng Đ̄ c tī u bang Alabama.

1967 - T̄ ng đình công trong ngành giáo d̄ c Canada, làm cho hàng trăm tr̄ ng h̄ c t̄ i Montreal và Trois Rivières đóng c̄ a.

1969 – M̄ t v̄ n̄ trên chī n máy bay chuyên ch̄ c̄ a Hoa K̄ là chī c Enterprise ra kh̄ i Hawaii làm thī t m̄ ng 25 nḡ i trong phi hành đoàn.

1974 – Ông Jules Leger tuyên th̄ nh̄ m ch̄ c Th̄ ng đ̄ c toàn n̄ c̄ Canada.

1980 – Bà Indira Ghandi đ̄ c c̄ Th̄ T̄ ng n̄ Đ̄ .

1982 – Clifford Olson, can tội gī t 11 tr̄ v̄ thành niên, t̄ 9 đ̄ n 18 tū i, b̄ ph̄ t tù chung thân. Đây là m̄ t v̄ án t̄ h̄ i nh̄ t x̄ y ra t̄ i Canada.

1984 – Ngày qua đ̄ i c̄ a ông Ray Kroc, Vua Hamberger, là nḡ i đã sáng l̄ p ra m̄ t h̄ th̄ ng d̄ y chuȳ n nhà hàng ăn nhanh, McDonald's, n̄ i t̄ ng th̄ gī i.

1993 – Chính quȳ n Anh cam k̄ t đ̄ a ra lū t t̄ i ph̄ m hoá s̄ xâm nh̄ p vī c riêng t̄ c̄ a báo chí.

1994 – T̄ ng Th̄ ng Hoa K̄ Clinton và T̄ ng Th̄ ng Nga Boris Yeltsin ký các hī p ̄ ̄ c t̄ i Đ̄ n C̄ m Linh ngăn ch̄ n vī c nh̄ m các hō tī n vào b̄ t k̄ qū c gia nào và gī i gī i kho vũ khí h̄ t nhân c̄ a Ukraine.

1996 - Jorge Sampaio đ̄ c c̄ T̄ ng Th̄ ng B̄ Đào Nha.

1998 – Các ū viên công t̄ Whitewater ch̄ t v̄ n Hillary Rodham Clinton t̄ i Toà B̄ ch ̄ c 10 phút v̄ vī c thu th̄ p các h̄ s̄ h̄ u c̄ nh c̄ a c̄ quan FBI đ̄ i v̄ i chính khách c̄ a Đ̄ ng c̄ ng hoà trong quá kh̄ .

1998 – T̄ i Dallas, các nhà nghiên c̄ u cho bī t có m̄ t enzyme làm ch̄ m quá trình lão hoá và cái ch̄ t c̄ a t̄ bào.

1999 – Phiên toà xét x̄ T̄ ng Th̄ ng Clinton b̄ t đ̄ u t̄ i Washington, DC.

1999 – Hoa K̄ đ̄ ngh̄ nâng m̄ c giá cao nh̄ t c̄ a Liên Hī p Qū c v̄ vī c bán d̄ u t̄ i Iraq. M̄ c gī i h̄ n là t̄ n đ̄ c dùng đ̄ mua thū c và th̄ c ph̄ m cho nḡ i dân Iraq.

2000 – Toà án Liên Hī p Qū c k̄ t án 5 nḡ i Croat Bosnia lên t̄ i 25 năm tù do cū c th̄ m sát năm 1993 đ̄ i v̄ i h̄ n 100 nḡ i H̄ i Giáo trong m̄ t ngôi làng ̄ Bosnia.

2004 – T&#i St. Louis, Cu&#c tri&#n l&#m Lewis and Clark khai m&#c t&#i Vi&#n B&#o T&#ng L&#ch S&# Missouri. Cu&#c tri&#n l&#m này do các Công ty khám phá tr&#ng bày 500 v&#t th&# quý hi&#m và vô giá.

2005 – M&#t phi thuy&#n th&#m dò vũ tr&# t&# nhi&#m v&# Cassini-Huygens, g&#i v&# nh&#ng b&#c hình trong khi và sau khi đáp xu&#ng trên m&#t trăng c&#a Sao Th&# là Titan. Nhi&#m v&# n&#y đ&#c đ&#a ra ngày 15 tháng 10 năm 1997.

2009 - Cu&#c t&#n công kéo dài 19 ngày c&#a Do Thái vào d&#y Gaza, gây t&# vong cho 1.013 ng&#i và 4.700 ng&#i b&# th&#ng.